

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29/8/2019)



Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 6256 3862

Fax: +84 28 3827 4115

Website: <https://masanmeatlife.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Đỗ Thị Thu Nga

Chức vụ: Giám đốc Pháp chế

Số điện thoại: +84 28 6256 3862

Fax: +84 28 3827 4115

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2019



MỤC LỤC

CÁC KHÁI NIỆM	3
NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT	5
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	5
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	10
3. Danh sách cổ đông tại thời điểm 08/11/2019.....	18
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng.....	18
5. Hoạt động kinh doanh.....	23
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất	25
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	28
8. Chính sách đối với người lao động	29
9. Chính sách cổ tức	30
10. Tình hình tài chính.....	31
11. Tài sản	37
12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	40
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	41
14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh.....	41
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	42
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	43
1. Hội đồng Quản trị	43
2. Ban Kiểm soát	49
3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	52
4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Công ty	54
III. PHỤ LỤC.....	55

CÁC KHÁI NIỆM

ABATTOIR	Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình
ANCO	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
ANCO Bình Định	Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định
Ban Kiểm soát / BKS	Ban Kiểm soát của Công ty
BCTC	Báo cáo tài chính
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CNĐKKD	Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
CP	Cổ phần / cổ phiếu
CTCP	Công ty Cổ phần
Đại hội đồng cổ đông/ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông của Công ty
Điều lệ	Điều lệ của Công ty
Donatraco	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai
Hội đồng Quản trị/ HĐQT	Hội đồng Quản trị của Công ty
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 như được sửa đổi bổ sung bởi Luật Sửa Đổi Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
MML /Masan MEATLife/ Công ty	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
MNS Feed	Công ty TNHH MNS Feed
MNS Feed Hậu Giang	Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang
MNS Feed Nghệ An	Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An
MNS Feed Thái Nguyên	Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên
MNS Feed Tiền Giang	Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang
MNS Feed Vĩnh Long	Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long
MNS Farm	Công ty TNHH MNS Farm
MNS Farm Nghệ An	Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
MNS Meat	Công ty TNHH MNS Meat
MNS Meat Hà Nam	Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam

MNS Meat Processing	Công ty TNHH MNS Meat Processing
MNS Meat Sài Gòn	Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn
MTCV	Mô tả công việc
Proconco	Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
Proconco Bình Định	Công ty TNHH Một thành viên Con Cò Bình Định
Proconco Cần Thơ	Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ
Proconco Hưng Yên	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên
Thuận Phát	Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSLĐ	Tài sản lưu động
UBCK	Ủy ban chứng khoán
UPCoM	Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết
Vissan	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
Vốn điều lệ	Vốn điều lệ của Công ty

NỘI DUNG BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE**
- Tên Tiếng Anh: **MASAN MEATLIFE CORPORATION**
- Tên viết tắt: **MASAN MEATLIFE CORP.**
- Trụ sở: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: +84 28 6256 3862
- Fax: +84 28 3827 4115
- Website: <https://masanmeatlife.com.vn/>
- Giấy phép thành lập: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311224517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29/8/2019)
- Vốn điều lệ đăng ký: 3.243.274.470.000 đồng (Ba nghìn hai trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 3.243.274.470.000 đồng (Ba nghìn hai trăm bốn mươi ba tỷ, hai trăm bảy mươi bốn triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)
- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Danny Le – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Trung Lâm – Chức danh: Tổng Giám đốc
- Ngày được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng: 25/11/2019
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở chính)
 - Bán buôn thực phẩm
 - Chi tiết:
 - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;
 - Bán buôn thủy sản;
 - Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
 - Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 622)
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lậu động hoặc tại chợ
 - Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm lưu động hoặc tại chợ (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)
 - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
 - Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)
 - Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết:

- Bán lẻ thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến;
- Bán lẻ thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến
(không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 631)
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
*Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
(không hoạt động tại trụ sở chính) (CPC: 632)*
- Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật). (CPC: 86509)

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng / cổ phần
- Mã chứng khoán: MML
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 324.327.447 cổ phần
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng: theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các quy định liên quan khác.

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2011** ▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife được thành lập vào ngày 07/10/2011, với tên gọi là Công ty TNHH Một thành viên Hoa Kim Ngân với vốn điều lệ là 10.000.000 đồng.
- Năm 2012** ▪ Ngày 28/11/2012, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Sam Kim.
- Năm 2014** ▪ Ngày 13/06/2014, Công ty thay đổi chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật.
- Ngày 07/7/2014, Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.000.010.000.000 đồng, đồng thời thay đổi tên và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Sam Kim.
- Đồng thời, vào tháng 7/2014, Công ty nhận chuyển nhượng 70% cổ phần trong Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế (ANCO) từ các cổ đông hiện hữu của ANCO.
- Ngày 01/8/2014, Công ty bổ sung một số ngành nghề kinh doanh về bán buôn thực phẩm, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm,... đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vào thời điểm này.
- Cuối năm 2014, Công ty nhận chuyển nhượng 99,99% phần vốn góp trong Công ty TNHH Shika, một công ty có các công ty con đang sở hữu 40% cổ phần Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (Proconco).
- Năm 2015** ▪ Tháng 3/2015, Công ty mua toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Kenji, một công ty đang sở hữu 13,06% cổ phần Proconco, nâng tổng số cổ phần tại Proconco lên 53,06%.
- Ngày 31/7/2015, Công ty trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và thay đổi tên Công ty thành Công ty TNHH Masan Nutri-Science ("MNS") với vốn điều lệ là 2.000.010.000.000 đồng. Việc mua lại Công ty này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ngay lập tức biến Masan thành một trong những công ty thức ăn chăn nuôi lớn nhất Việt Nam. Mục tiêu của Công ty là thay đổi chuỗi giá trị thịt của Việt Nam nhằm cung cấp cho người tiêu dùng các

- sản phẩm thịt có thương hiệu, ngon và sạch.
- Ngày 07/12/2015, Công ty thay đổi trụ sở chính và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- Năm 2016**
- Cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Công ty (thông qua công ty con) nâng tổng số cổ phần tại Proconco hiện nay lên 75,15%.
 - Ngày 17/3/2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần và thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science ("MNS").
 - Tháng 5/2016, Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trực tiếp tại ANCO từ 70% lên 99,99%.
 - Tháng 3/2016 và tháng 6/2016, Công ty (thông qua ANCO) sở hữu 24,94% Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản (Vissan).
 - Tháng 6/2016, MNS Farm Nghệ An được thành lập và khởi công trang trại chăn nuôi heo công nghệ cao tại Nghệ An vào tháng 11/2016, đánh dấu bước khởi đầu của Công ty trong lĩnh vực chăn nuôi.
- Năm 2017**
- Ngày 07/4/2017, Công ty bổ sung thêm một Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Tháng 5/2017, Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.162.172.970.000 đồng với việc VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD. đầu tư 150 triệu USD để sở hữu 7,5% cổ phần của Công ty.
 - Tháng 8/2017, Công ty TNHH MNS Meat Processing được thành lập.
 - Tháng 9/2017, Công ty thực hiện tái cấu trúc lại Công ty và các công ty con thông qua việc sáp nhập một số công ty con (Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji) vào Công ty, tăng vốn điều lệ lên 2.162.182.990.000 đồng.
- Năm 2018**
- Ngày 09/01/2018, Công ty thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Tháng 2/2018, Công ty khởi công xây dựng Dự án Tổ hợp Chế biến thịt tại Hà Nam nhằm cung cấp thịt mát (fresh chilled meat) đến người tiêu dùng.
 - Tháng 12/2018, Nhà máy Meat Hà Nam chính thức đi vào hoạt động và Công ty đã giới thiệu thành công ra thị trường sản phẩm thịt mát mang thương hiệu "MEATDeli".
- Năm 2019**
- Tháng 01/2019, MNS Farm Nghệ An được cấp chứng nhận GLOBAL G.A.P vì đã hoàn thành các tiêu chuẩn về nông trại được công nhận quốc tế dành cho việc Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt.
 - Ngày 29/7/2019, Công ty thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan MEATLife.
 - Ngày 21/8/2019, Công ty tăng vốn điều lệ lên 3.243.274.470.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phần mới để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu ("Cổ phiếu thưởng").
 - Ngày 25/11/2019, Công ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng
 - Ngày 27/11/2019, Công ty được TTLKCK VN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 61/2019/GCNCP-VSD với số lượng chứng khoán đăng ký là 324.327.447 cổ phiếu

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty tại ngày 07/10/2011 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 3.243.274.470.000 đồng (Ba nghìn hai trăm bốn mươi ba tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

Đợt	Thời điểm	VĐL trước khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị tăng (nghìn đồng)	VĐL sau khi tăng (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn
Giai đoạn Công ty TNHH (từ 07/10/2011 đến 17/3/2016)					
	07/10/2011	-	10.000	10.000	▪ Góp vốn thành lập Công ty TNHH một thành viên
1	07/07/2014	10.000	2.000.000.000	2.000.010.000	▪ Tăng vốn điều lệ bằng cách tiếp nhận thành viên góp vốn mới (thay đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH)
Giai đoạn công ty cổ phần (từ 17/03/2016 đến nay)					
2	22/5/2017	2.000.010.000	162.162.970	2.162.172.970	▪ Phát hành riêng lẻ cho Quỹ đầu tư VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD.
3	27/9/2017	2.162.172.970	10.020	2.162.182.990	▪ Sáp nhập Kenji, Meiji, Shika vào MNS (vốn điều lệ tăng thêm từ việc chuyển đổi 2 cổ phần của Meiji – 10.000 VNĐ/CP và 10 triệu đồng phần vốn góp trong Shika thành CP của MNS)
4	29/8/2019	2.162.182.990	1.081.091.480	3.243.274.470	▪ Phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty

Diễn giải các đợt tăng vốn:

a. Đợt 1: Phát hành tăng vốn từ 10.000.000 đồng lên 2.000.010.000.000 đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - ✓ Quyết định của chủ sở hữu về việc tăng vốn điều lệ (tiếp nhận thêm thành viên góp vốn mới) và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên ngày 02/7/2014
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 07/7/2014
- Thông tin đợt tăng vốn
 - ✓ Tổng giá trị tăng vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Tổng số vốn góp vào Công ty: 2.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Tổng số nhà đầu tư tham gia đợt tăng vốn: 4 nhà đầu tư
 - ✓ Phương án sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua 70% ANCO, với tổng số tiền là 1.900 tỷ đồng và thanh toán phí môi giới, với tổng số tiền là 100 tỷ đồng.
 - ✓ Hình thức góp vốn: góp vốn bằng tiền

b. Đợt 2: Phát hành tăng vốn từ 2.000.010.000.000 đồng lên 2.162.172.970.000 đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - ✓ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/4/2017 về phát hành cổ phần riêng lẻ;
 - ✓ Thông báo số 2825/ĐKKD-TNXL ngày 07/4/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ý kiến về việc công ty cổ phần chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - ✓ Quyết định số 194/2017/NQ-HĐQT ngày 19/4/2017 của Tổng Giám đốc Công ty;
 - ✓ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 200/2017/NQ-HĐQT ngày 24/4/2017 thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 22/5/2017.
- Thông tin đợt phát hành
 - ✓ Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Số lượng cổ phần phát hành: 16.216.297 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 209.973,95 đồng/cổ phần
 - ✓ Tổng mệnh giá phát hành: 162.162.970.000 đồng
 - ✓ Tổng giá trị phát hành: 3.405.000.000.000 đồng
 - ✓ Tổng số nhà đầu tư tham gia đợt phát hành: 1 nhà đầu tư
 - ✓ Phương án sử dụng vốn: Công ty thanh toán gốc và lãi trái phiếu trước hạn, với tổng số tiền 3.737.647.500.000 đồng.
 - ✓ Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền

c. Đợt 3: Phát hành tăng vốn từ 2.162.172.970.000 đồng lên 2.162.182.990.000 đồng

- Cơ sở pháp lý:
 - ✓ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 414/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/9/2017 của Công ty thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH Kenji, Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji vào Công ty;
 - ✓ Quyết định số 415/2017/QĐ-MNS ngày 12/9/2017 của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (nay là Công ty Cổ phần Masan MEATLife) – chủ sở hữu của Công ty TNHH Kenji thông qua việc Công ty TNHH Kenji cùng với Công ty TNHH Shika và Công ty Cổ phần Meiji sáp nhập vào Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (nay là Công ty Cổ phần Masan MEATLife);
 - ✓ Nghị quyết Hội đồng thành viên Công ty TNHH Shika số 417/2017/NQ-HĐTV ngày 12/9/2017 thông qua việc Công ty TNHH Shika cùng với Công ty TNHH Kenji và Công ty Cổ phần Meiji sáp nhập vào Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (nay là Công ty Cổ phần Masan MEATLife);
 - ✓ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Meiji số 419/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/9/2017 thông qua việc Công ty Cổ phần Meiji cùng với Công ty TNHH Kenji và Công ty TNHH Shika sáp nhập vào Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (nay là Công ty Cổ phần Masan MEATLife);
 - ✓ Hợp đồng sáp nhập ngày 12/9/2017;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 27/9/2017.
- Thông tin đợt phát hành
 - ✓ Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Số lượng cổ phần phát hành: 1.002 cổ phần (để hoán đổi cho các cổ đông không kiểm soát tại các công ty con để sáp nhập)
 - ✓ Tỷ lệ hoán đổi: 1:1
 - ✓ Tổng giá trị phát hành: 10.020.000 đồng
 - ✓ Tổng số cổ đông tham gia đợt phát hành: 2 cổ đông
 - ✓ Nguyên nhân tăng vốn điều lệ: đây là việc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các công ty bị sáp nhập vào Công ty, với tỷ lệ hoán đổi 1:1

- ✓ Phương án sử dụng vốn: đây là việc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các công ty bị sáp nhập vào Công ty nên không phát sinh số tiền huy động từ đợt phát hành.
- ✓ Hình thức góp vốn: hoán đổi cổ phần, phần vốn góp của các công ty bị sáp nhập vào Công ty.

d. Đợt 4: Phát hành tăng vốn từ 2.162.182.990.000 đồng lên 3.243.274.470.000 đồng

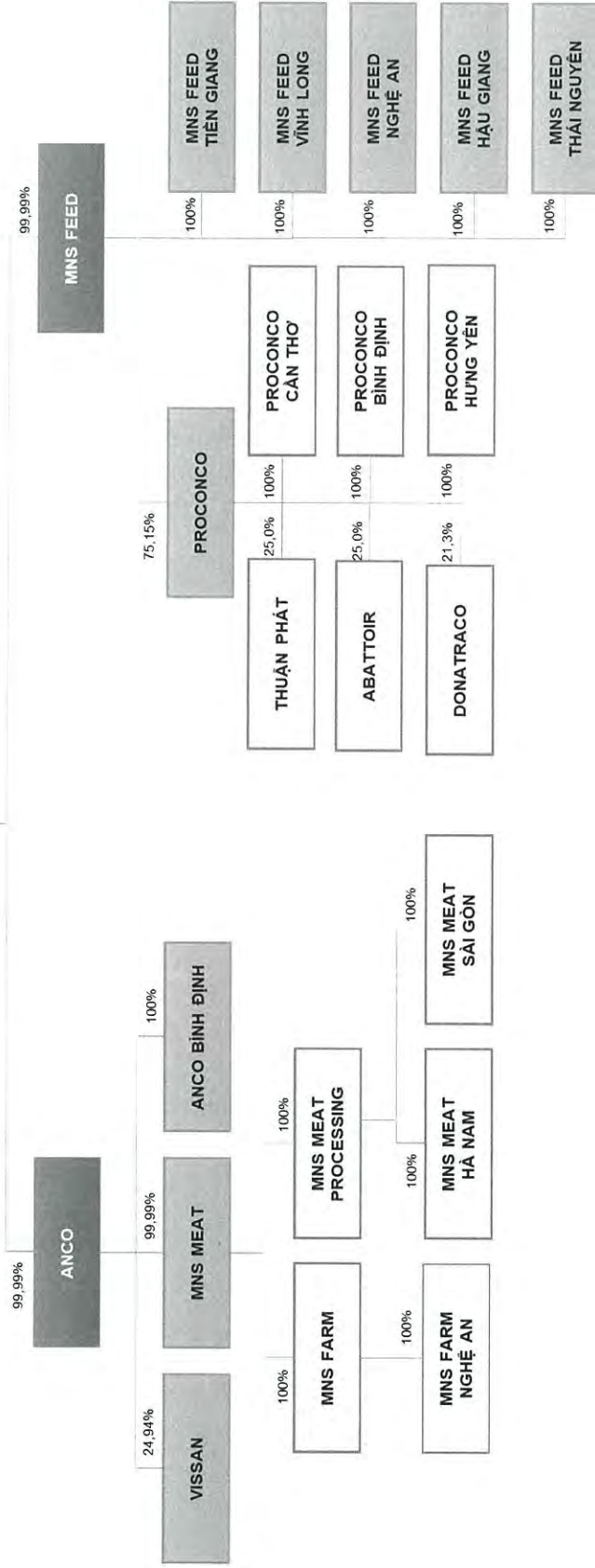
- Cơ sở pháp lý:
 - ✓ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 158/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/7/2019 thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty;
 - ✓ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 193/2019/NQ-HĐQT ngày 21/8/2019 thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 29/8/2019.
 - ✓ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/8/2019 do Công ty TNHH KPMG chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán.
- Thông tin đợt phát hành
 - ✓ Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
 - ✓ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Số lượng cổ phần phát hành: 108.109.148 cổ phần
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - ✓ Tỷ lệ phát hành: 2:1
 - ✓ Tổng giá trị phát hành: 1.081.091.480.000 đồng
 - ✓ Tổng số cổ đông được phát hành: 67 cổ đông
 - ✓ Phương án sử dụng vốn: Đây là việc tăng vốn điều lệ Công ty bằng phát hành cổ phần mới cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty, cụ thể là từ thặng dư vốn cổ phần có được từ đợt phát hành cổ phần riêng lẻ đợt 2 nêu tại mục 1.3.b.
 - ✓ Hình thức góp vốn: Công ty tăng vốn bằng cách phát hành cổ phần mới cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 1: Sơ đồ tổ chức của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE



Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.1 Trụ sở chính

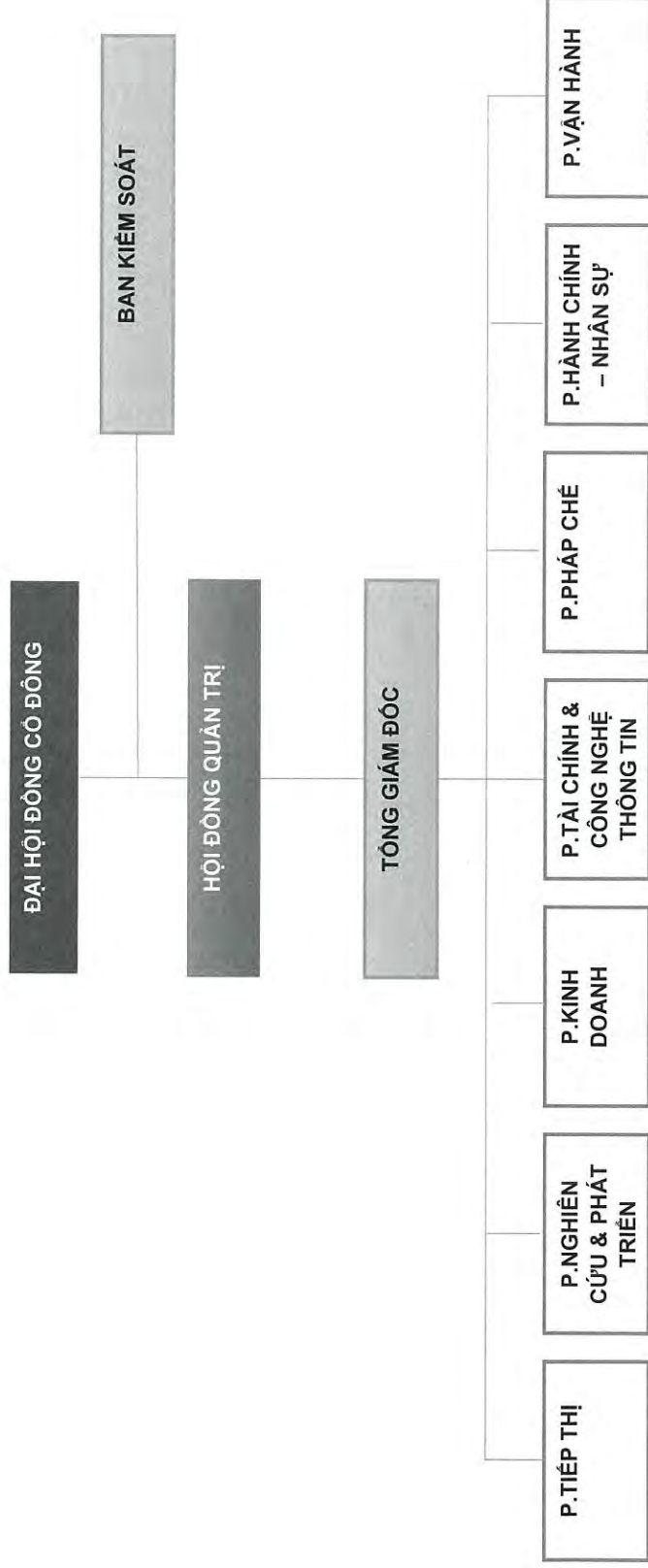
Công ty Cổ phần Masan MEATLife

- Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: +84 28 6256 3862

2.2 Các công ty con

Tại ngày 30/06/2019, công ty có 02 công ty con sở hữu trực tiếp; 16 công ty con sở hữu gián tiếp và 04 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Chi tiết xem tại mục 4.2 và 4.3

Hình 2: Sơ đồ quản lý của Công ty



2.3 Đại hội đồng cổ đông

2.3.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

2.3.2 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty; và
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2.4 Hội đồng Quản trị

2.4.1 Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2.4.2 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2.4.3 Hội đồng Quản trị Công ty có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cụ thể cho từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị Công ty hiện nay gồm có 4 thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm).

2.4.4 Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; quyết định việc Công ty phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng theo quy định tại Điều 23.1 của Điều lệ Công ty;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật;
- Quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty; quyết định tất cả các giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty, ngoại trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Quyết định việc Công ty cấp bảo lãnh; quyết định việc Công ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Giám đốc Vận Hành (Chief Operating Officer) (nếu có) và Giám đốc Tài Chính (nếu có); quyết định mức lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp hoặc cổ phần của Công ty tại công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua, bán cổ phần hoặc phần vốn góp của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; và
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

2.5 Ban Kiểm soát

2.5.1 Ban Kiểm soát Công ty có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên gắn liền với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát và Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát của MML hiện nay có 3 thành viên.

2.5.2 Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ Công ty;
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 53 của Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; và
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.6 Tổng Giám đốc

2.6.1 Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2.6.2 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2.6.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.6.4 Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người lao động nắm giữ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyết định các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công ty, ngoại trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

2.7 Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban

2.7.1 Phòng Tiếp thị

- Nghiên cứu dự báo thị trường và dự báo doanh thu;
- Tổ chức triển khai chương trình phát triển sản phẩm mới;
- Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu;
- Phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn;
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing;
- Thiết lập quan hệ hiệu quả với giới truyền thông.

2.7.2 Phòng Nghiên cứu & Phát triển

- Tối ưu hóa chi phí;
- Đề xuất các sáng kiến;
- Thực hành các thí nghiệm và thu thập các dữ liệu liên quan;
- Quản lý chất lượng sản phẩm và tính ổn định của sản phẩm;

- Xử lý các sự cố và hỗ trợ kỹ thuật.

2.7.3 Phòng Kinh doanh

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh;
- Giám sát và quản lý vùng thị trường, khai thác và phát triển kênh phân phối sản phẩm;
- Thực hiện nghiệp vụ bán hàng;
- Phối hợp các phòng ban để kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- Công tác thống kê tổng hợp;
- Xây dựng các chiến lược PR, marketing cho các sản phẩm theo từng giai đoạn và tùy từng đối tượng khách hàng;
- Xây dựng phát triển về thương hiệu;
- Nghiên cứu thị trường, đối thủ cạnh tranh.

2.7.4 Phòng Tài chính & Công nghệ thông tin

- Hoạch định chiến lược tài chính doanh nghiệp;
- Công tác tài chính (Tài chính và quản lý tài sản, tín dụng, công tác về thuế, thanh tra, kiểm tra tài chính, phân tích hoạt động kinh tế);
- Công tác kế toán;
- Công tác kiểm toán;
- Công tác kiểm tra, đánh giá và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

2.7.5 Phòng Pháp chế

- Rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phục vụ cho hoạt động của Công ty;
- Phổ biến các quy định pháp luật cho các Phòng, bộ phận trong Công ty;
- Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật tại Công ty;
- Tham gia công tác bồi thường của nhà nước khi được yêu cầu;
- Hỗ trợ pháp lý cho các công ty thành viên;
- Tham mưu về các vấn đề pháp lý và tổ tụng cho Ban Tổng Giám đốc.

2.7.6 Phòng Hành chính – Nhân sự

- Xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
- Thực hiện công tác tuyển dụng và quan hệ nhân sự;
- Công tác lương bổng và phúc lợi;
- Công tác hành chính quản trị;
- Công tác văn thư lưu trữ.

2.7.7 Phòng Vận hành

- Làm việc với Phòng Kinh doanh, Tiếp thị lập kế hoạch nhu cầu khách hàng;
- Lên kế hoạch và mua nguyên liệu, vật tư cho sản xuất;
- Nhận và kiểm soát nguyên theo tiêu chuẩn;
- Lên kế hoạch sản xuất;
- Sản xuất và kiểm soát chất lượng thành phẩm;
- Giao hàng, theo dõi chất lượng và ghi nhận, giải quyết phản hồi về chất lượng cũng như dịch vụ...;
- Kiểm soát chi phí và tối ưu hóa hiệu suất;
- Đảm bảo các hoạt động tuân thủ theo yêu cầu pháp luật cũng như tạo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên.

3. Danh sách cổ đông tại thời điểm 08/11/2019

3.1 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 08/11/2019

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước	794	297.346.409	2.973.464.090.000	91,68%
	Tổ chức	3	287.042.434	2.870.424.340.000	88,50%
	Cá nhân	791	10.303.975	10.303.750.000	3,18%
II	Cổ đông nước ngoài	12	26.981.038	269.810.380.000	8,32%
	Tổ chức	2	25.755.913	257.559.130.000	7,94%
	Cá nhân	10	1.225.125	12.251.250.000	0,38%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0,00%
	Tổng cộng	806	324.327.447	3.243.274.470.000	100,00%

Nguồn: Công ty

3.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 8/11/2019

TT	Họ và tên	SỐ GCNĐKKD / CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	0303576603	Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	257.248.169	79,32%
3	Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	0309966871	Phòng 802, tầng 8, Tòa Nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, P.Bến Nghé, Quận 1, TPHCM	25.794.235	7,95%
3	VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD.	201708624R	10 Changi Business Park, Central 2 #05-01, Hansapoint@CBP, Singapore (486030)	23.161.294	7,14%

Nguồn: Công ty

3.3 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Masan MEATLife được thành lập từ ngày 07/10/2011 và được chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty cổ phần từ ngày 17/03/2016, đến nay đã quá 03 (ba) năm nên cổ phần của cổ đông sáng lập không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng

4.1 Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

- ✓ Trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 11.689.464.470.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303576603 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/11/2004, thay đổi lần thứ 23 ngày 17/7/2019
- ✓ Tỷ lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan sở hữu tại MML: 79,32%

4.2 Danh sách công ty con của MML**(i) Công ty TNHH MNS Feed (gọi tắt là “MNS Feed”)**

- ✓ Trụ sở chính: Lô A4, Đường số 2, KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 3.112.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603447499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/03/2017, thay đổi lần thứ 3 ngày 07/8/2019
- ✓ Tỷ lệ MML sở hữu tại MNS Feed: 99,99%

(ii) Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (gọi tắt là “ANCO”)

- ✓ Trụ sở chính: Lô A4, đường số 2, KCN Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 560.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600618918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/12/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 07/8/2019
- ✓ Tỷ lệ MML sở hữu tại ANCO: 99,99%

Ngoài ra, Công ty còn gián tiếp sở hữu các công ty con sau:

(i) Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (gọi tắt là “Proconco”)

- ✓ Trụ sở chính: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 251 3836404
- ✓ Vốn điều lệ: 1.582.770.360.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn giàu đạm, chất tinh khiết và bột cá cao đạm cho chăn nuôi
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600234534 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/02/2008, thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại Proconco: 75,15%

(ii) Công ty TNHH Một thành viên Proconco Cần Thơ (gọi tắt là “Proconco Cần Thơ”)

- ✓ Địa chỉ: Lô đất số 13-14, khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 292 3842551
- ✓ Vốn điều lệ: 273.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801099881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Cần Thơ cấp lần đầu ngày 16/12/2009, thay đổi lần thứ 9 ngày 17/4/2019
- ✓ Tỷ lệ Proconco sở hữu tại Proconco Cần Thơ: 100%

(iii) Công ty TNHH Một thành viên Con Cò Bình Định (gọi tắt là “Proconco Bình Định”)

- ✓ Địa chỉ: Lô A 2-5 và Lô A 2-6, Khu công nghiệp Nhơn Hòa, Xã Nhơn Thọ, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 256 3838022
- ✓ Vốn điều lệ: 220.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101344967 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 19/4/2012, thay đổi lần thứ 5 ngày 21/12/2018
- ✓ Tỷ lệ Proconco sở hữu tại Proconco Bình Định: 100%

(iv) Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (gọi tắt là “Proconco Hưng Yên”)

- ✓ Địa chỉ: Thôn Yên Phú, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 321 3587411
- ✓ Vốn điều lệ: 81.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900704778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 05/08/2011, thay đổi lần thứ 5 ngày 01/3/2019
- ✓ Tỷ lệ Proconco sở hữu tại Proconco Hưng Yên: 100%

(v) Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (gọi tắt là “MNS Feed Nghệ An”)

- ✓ Địa chỉ: Khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 64.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901781923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 03/3/2015, thay đổi lần thứ 6 ngày 30/7/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại MNS Feed Nghệ An: 100%

(vi) Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (gọi tắt là “MNS Feed Tiền Giang”)

- ✓ Địa chỉ: Lô 22, 23B Khu công nghiệp Long Giang, Xã Tân Lập 1, Huyện Tân Phước, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 273 3642100
- ✓ Vốn điều lệ: 22.302.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201440676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 22/4/2013, thay đổi lần thứ 5 ngày 27/7/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại MNS Feed Tiền Giang: 100%

(vii) Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (gọi tắt là “MNS Feed Vĩnh Long”)

- ✓ Địa chỉ: Khu IV Tuyến công nghiệp Cổ Chiên, ấp Sơn Đông, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 270 3964207
- ✓ Vốn điều lệ: 96.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500467764 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 17/4/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/7/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại MNS Feed Vĩnh Long: 100%

(viii) Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (gọi tắt là “MNS Feed Hậu Giang”)

- ✓ Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, Xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300260930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/4/2015, thay đổi lần thứ 6 ngày 31/7/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại MNS Feed Hậu Giang: 100%

(ix) Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (gọi tắt là “MNS Feed Thái Nguyên”)

- ✓ Địa chỉ: Lô B5-B6, Khu công nghiệp Trung Thành, Xã Trung Thành, Thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 208 3666665
- ✓ Vốn điều lệ: 25.830.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4601074324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 27/4/2012, thay đổi lần thứ 3 ngày 01/8/2018
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại MNS Feed Thái Nguyên: 100%

(x) Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định (gọi tắt là "ANCO Bình Định")

- ✓ Địa chỉ: Lô B4.06, Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A), Khu kinh tế Nhơn Hội, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 256 3838022
- ✓ Vốn điều lệ đăng ký: 37.800.000.000 đồng.
- ✓ Vốn điều lệ thực góp: 20.038.558.177 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101354940 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 24/4/2012, thay đổi lần thứ 6 ngày 08/10/2018
- ✓ Tỷ lệ ANCO sở hữu tại ANCO Bình Định: 100%.

(xi) Công ty TNHH MNS Meat (gọi tắt là "MNS Meat")

- ✓ Địa chỉ: (Trong khuôn viên của Công ty CP Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế) Lô A4, đường số 2, Khu Công nghiệp Sông mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 251 3968705
- ✓ Vốn điều lệ: 1.123.513.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603383090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 06/6/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 07/8/2019
- ✓ Tỷ lệ ANCO sở hữu tại MNS Meat: 99,99%

(xii) Công ty TNHH MNS Farm (gọi tắt là "MNS Farm")

- ✓ Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 28 62563862
- ✓ Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314805164 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/12/2017
- ✓ Tỷ lệ MNS Meat sở hữu tại MNS Farm: 100%

(xiii) Công ty TNHH MNS Meat Processing (gọi tắt là "MNS Meat Processing")

- ✓ Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- ✓ Điện thoại: +84 28 62563862
- ✓ Vốn điều lệ: 674.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314547548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/8/2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 06/8/2019
- ✓ Tỷ lệ MNS Meat sở hữu tại MNS Meat Processing: 100%

(xiv) Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An (gọi tắt là "MNS Farm Nghệ An")

- ✓ Địa chỉ: Xóm Cồn Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 450.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Tổ chức chăn nuôi lợn giống, lợn thịt. Thuê gia công nuôi lợn giống, lợn thịt
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901852878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 09/6/2016, thay đổi lần thứ 5 ngày 18/4/2018

- ✓ Tỷ lệ MNS Farm sở hữu tại MNS Farm Nghệ An: 100%
- (xv) Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam (gọi tắt là “MNS Meat Hà Nam”)**
- ✓ Địa chỉ: Lô CN-02, Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cương, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 373.500.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động giết mổ bao gồm giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng từng phần riêng; - Sản xuất thịt sấy khô, hun khói, ướp muối; - Sản xuất sản phẩm thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putting, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, patê, thịt giảm bông; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt.
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700793788 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 14/8/2017, thay đổi lần thứ 5 ngày 09/8/2019
- ✓ Tỷ lệ MNS Meat Processing sở hữu tại MNS Meat Hà Nam: 100%
- (xvi) Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn (gọi tắt là “MNS Meat Sài Gòn”)**
- ✓ Địa chỉ: Lô 2 đường 15, lô 3-5-7 đường 17, lô 2 đường 17, lô 9 đường 19, Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Hữu Thạnh, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động giết mổ bao gồm giết, mổ, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng tấm; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng cắt nhỏ; - Sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh, thịt tươi dạng từng phần riêng; - Sản xuất thịt sấy khô, hun khói, ướp muối; - Sản xuất sản phẩm thịt gồm: Xúc xích, xúc xích Italia, bánh putting, xúc xích nhiều gia vị, xúc xích hun khói, patê, thịt giảm bông; - Sản xuất, chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm khác từ thịt.
- ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315583531 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 26/3/2019, thay đổi lần thứ 1 ngày 03/7/2019
- ✓ Tỷ lệ MNS Meat Processing sở hữu tại MNS Meat Sài Gòn: 100%

4.3 Danh sách công ty liên kết sở hữu gián tiếp

(i) Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (gọi tắt là “Vissan”)

- ✓ Địa chỉ: 420 Nơ Trang Long, P. 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 809.143.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm thị heo, bò, thịt gia cầm tươi sống và đông lạnh; Sản xuất kinh doanh heo giống, heo thịt, bò giống, bò thịt.
- ✓ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0300105356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 11/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 20/04/2018
- ✓ Tỷ lệ ANCO sở hữu tại Vissan: 24,94%

(ii) Công ty Cổ phần Bao bì Thuận Phát (gọi tắt là “Thuận Phát”)

- ✓ Địa chỉ: KP9, Phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất bao bì PE, PP và kinh doanh nguyên liệu nhựa
- ✓ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3602218351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 18/01/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/08/2019.
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại Thuận Phát: 25%

(iii) Công ty Cổ phần Chế biến Súc sản Long Bình (gọi tắt là “Abattoir”)

- ✓ Địa chỉ: KP8, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện các hoạt động giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm.

- ✓ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3600472472 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/07/2019.
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại Abattoir: 25%
- (iv) **Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai (gọi tắt là “Donatraco”)**
- ✓ Địa chỉ: 197 Đường Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- ✓ Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây công nghiệp và cây nông nghiệp
- ✓ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3602229025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09/02/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10/06/2019.
- ✓ Tỷ lệ MNS Feed sở hữu tại Donatraco: 21,3%

4.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với MML

Xem mục 4.1

5. Hoạt động kinh doanh

Masan MEATLife (MML) áp dụng nền tảng 3F “từ trang trại đến bàn ăn” với chuỗi giá trị tích hợp: Thức ăn chăn nuôi – Trang trại – Chế biến thịt. Mục tiêu của MML là mang đến cho người tiêu dùng sản phẩm thịt có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng và giá cả hợp lý.

MML hiện đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con, với chức năng, ngành nghề kinh doanh chính của các công ty trong nhóm như sau:

- **Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“MML”)**: Hoạt động đầu tư, tư vấn quản lý và hoạt động thương mại mua bán hàng hóa (chủ yếu là thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản).
- **Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”) và các công ty thành viên**: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- **Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”) và các công ty thành viên**: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; tổ chức chăn nuôi lợn giống, lợn thịt; hoạt động giết mổ, đóng gói, bảo quản thịt gia súc và gia cầm; sản xuất, chế biến thịt và các sản phẩm từ thịt.

Trong năm 2018, tỷ lệ đóng góp vào doanh thu hợp nhất (đã loại trừ doanh thu nội bộ) của các công ty nêu trên là:

- ✓ MML (Công ty mẹ): 38%
- ✓ MNS Feed và các công ty thành viên: 56%
- ✓ ANCO và các công ty thành viên: 6%

MML là công ty đầu tiên tại Việt Nam sản xuất và kinh doanh sản phẩm thịt mát (fresh chilled meat) theo công nghệ Châu Âu. Bên cạnh đó, Công ty cũng chuẩn bị ra mắt các dòng sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao như chả lụa, thịt kho chế biến sẵn ...

Hệ thống phân phối được xây dựng với quy mô lớn và toàn diện giúp khách hàng ở mọi miền đất nước tiếp cận nhanh chóng với sản phẩm của MML. Năm 2019, MML dự kiến sẽ có gần 600 điểm bán hàng và đạt 5.000 vào năm 2022.

Sản phẩm của MML & Quy mô nhà máy:

Thức ăn chăn nuôi	Thịt mát	Thịt đã qua chế biến (kế hoạch)
		
Được sản xuất tại MNS Feed, ANCO và các công ty thành viên	Được sản xuất tại MNS Meat Hà Nam (hiện tại) và MNS Meat Saigon (tương lai – mở rộng)	

Quy mô nhà máy thức ăn chăn nuôi:

- MML có 10 nhà máy với công suất 3 triệu tấn/năm, với hệ thống phân phối hơn 4.500 đại lý. Sản phẩm thức ăn thương hiệu Bio-zeem hiện đang chiếm 60% sản phẩm thức ăn cho lợn

Quy mô trang trại và nhà máy chế biến thịt:

- **Màng trang trại:** Trang trại chăn nuôi lợn công nghệ cao tại Nghệ An của MML đi vào vận hành giai đoạn 1 vào cuối năm 2017. MML đang triển khai xây dựng và đưa vào vận hành giai đoạn 2. Tổng công suất dự kiến là 230 ngàn con lợn thịt / năm với tổng vốn đầu tư 1,4 ngàn tỷ đồng, trên 200 ha.
- **Màng chế biến thịt:** Tổ hợp chế biến thịt mát theo tiêu chuẩn Châu Âu ở Hà Nam chính thức đi vào hoạt động vào tháng 12/2018 với công suất thiết kế 1,4 triệu con/năm, tương đương 140 ngàn tấn thịt.

Hệ thống phân phối được quản lý và vận hành bởi Công ty mẹ - MML:

Cửa hàng MEATDeli	MT (Cửa hàng trong cửa hàng)	Đại lý (Nhượng quyền)
• Vị trí: Gần khu dân cư đông đúc + thu nhập khá tốt / chợ truyền thống • Do nhân viên của MML vận hành. • Số lượng cửa hàng đến cuối 11/2019: 30	• Vị trí: Trong siêu thị • Do nhân viên của MML vận hành. • Số lượng cửa hàng đến cuối 11/2019: 80	• Vị trí: gần khu dân cư / chợ • Đại lý vận hành. Không tốn chi phí hoạt động cho MML • Đại lý là cửa hàng thực phẩm / MT quy mô nhỏ • Số lượng cửa hàng cuối 11/2019: 313

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng / giảm	6 tháng 2019
Tổng giá trị tài sản	6.464.218	7.628.146	18,0%	8.288.961
Vốn chủ sở hữu	3.996.475	3.006.503	-24,8%	3.242.589
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.365.905)	(2.355.877)	/	(2.119.790)
Doanh thu thuần	-	5.306.464	n.a	4.726.075
Doanh thu hoạt động tài chính	16.505	808.970	4.801,4%	351.083
Chi phí hoạt động tài chính	1.403.642	223.014	-84,1%	128.453
Lợi nhuận từ HĐKD	(1.391.521)	580.611	/	236.514
Lợi nhuận khác	(0,15)	(191)	/	(428)
Lợi nhuận trước thuế	(1.391.521)	580.420	141,7%	236.086
Lợi nhuận sau thuế	(1.391.521)	580.420	/	236.086
Giá trị sổ sách một cổ phiếu (Đồng/CP)	18.484	13.905	-24,8%	14.997
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (thực trả):				
- Số tiền trả cổ tức	1.499.474	70.917	-95,3%	-
- Lợi nhuận hợp nhất chia cho cổ đông của công ty	629.044	95.570	-84,8%	-
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	NA (*)	12,22%	-	-

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2018 và BCTC riêng soát xét 06 tháng đầu năm 2019

(*) Năm 2017, lợi nhuận sau thuế theo BCTC riêng của công ty bị âm, lợi nhuận trả cổ tức năm 2017 căn cứ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2017 theo BCTC hợp nhất.

Năm 2017: Công ty mẹ chủ yếu thực hiện đầu tư, không phát sinh các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

- Trong năm Công ty góp vốn thành lập công ty MNS Feed (với số vốn góp là 3.112 tỷ đồng chiếm 99,9% vốn điều lệ của MNS Feed. Nhận sáp nhập 3 công ty là Shika, Keni và Meiji.
- Doanh thu thuần năm 2017 bằng 0; chi phí bán hàng bằng 0.
- Doanh thu hoạt động tài chính là nguồn thu duy nhất của công ty trong năm 2017. Doanh thu tài chính năm 2017 là 16 tỷ đồng, chủ yếu là lãi tiền gửi (chiếm 99,78%), còn lại là lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Chi phí tài chính của công ty là 1.403 tỷ đồng trong đó bao gồm:
 - ✓ Khoản lỗ do trong năm Công ty nhận sáp nhập 3 công ty là Shika, Keni và Meiji là 1.086 tỷ đồng, chiếm 75,94% chi phí tài chính. Chi tiết khoản lỗ do nhận sáp nhập 3 công ty con như sau:

	Giá trị tài sản thuần tại ngày sáp nhập			Loại trừ số dư nội bộ (VND)	Giá trị được ghi nhận tại ngày sáp nhập (VND)
	Kenji (VND)	Shika (VND)	Meiji (VND)		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.167.541.506	784.170.924	63.671.623	-	8.015.384.053
Phải thu về cho vay ngắn hạn	287.000.000.000	1.447.336.000.000	-	(1.734.336.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.116.224.565.272	139.527.677.875	2.098.271.718.859	(193.977.789.173)	3.160.046.172.833

	Giá trị tài sản thuần tại ngày sáp nhập			Loại trừ số dư nội bộ (VND)	Giá trị được ghi nhận tại ngày sáp nhập (VND)
	Kenji (VND)	Shika (VND)	Meiji (VND)		
Phải thu dài hạn khác	1.378.000	1.378.000	-	-	2.756.000
Đầu tư vào các công ty con	-	2.849.251.762.039	-	(2.849.251.762.039)	-
Phải trả ngắn hạn khác	(103.046.136.987)	(138.504.195.117)	(20.448.022.177)	193.978.344.413	(68.020.009.868)
Vay ngắn hạn	(754.900.000.000)	(1.447.174.458.000)	-	1.734.336.000.000	(467.738.459.000)
Tài sản thuần được sáp nhập	552.447.347.791	2.851.222.335.721	2.077.887.368.305	(2.849.251.206.799)	2.632.305.845.018
Giá gốc khoản đầu tư của MN Strong Kenji và Shika					3.718.542.532.874
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát trong Shika và Meiji					10.020.000
Tài sản thuần được sáp nhập					(2.632.305.845.018)
Lỗ từ việc sáp nhập					1.086.246.707.856

- ✓ Chi phí lãi vay từ trái chủ 147 tỷ chiếm 10,48% (Tháng 04/2015 MML phát hành 3.700 tỷ đồng trái phiếu có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo). Khoản trái phiếu này đã được MML mua lại trước hạn vào ngày 22/05/2017.
- ✓ Chi phí phát hành trái phiếu 36 tỷ chiếm 2,6%
- ✓ Lãi vay từ công ty con 128 tỷ đồng, chiếm 9,12% trong đó: lãi vay phải trả Công ty TNHH Shika 63 tỷ đồng, phải trả công ty TNHH Kenji là 13 tỷ đồng, phải trả CTCP Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế là 12 tỷ và CTCP Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc là 40 tỷ đồng.
- ✓ Còn lại chi phí khác.
- Kết quả kinh doanh trong năm công ty bị lỗ 1.392 tỷ đồng.

Năm 2018: 6 tháng đầu năm 2018, Công ty mẹ không phát sinh các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Từ 01/07/2018, Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.

- Trong 6 tháng đầu năm 2018:
 - ✓ Doanh thu thuần bằng 0, chi phí bán hàng bằng 0;
 - ✓ Doanh thu hoạt động tài chính là 796,5 tỷ đồng, trong đó bao gồm thu nhập cổ tức từ các công ty con là 795 tỷ đồng chiếm 99,81% doanh thu tài chính (cổ tức từ MNS Feed là 95 tỷ và Anco là 700 tỷ đồng), còn lại là thu nhập lãi tiền gửi;
 - ✓ Chi phí tài chính là 91,05 tỷ đồng, chủ yếu là chi phí lãi vay từ các công ty con 91 tỷ đồng chiếm 99,95% (trong đó, lãi vay trả cho Anco là 13 tỷ và chi phí lãi vay Proconco là 78 tỷ đồng).
 - ✓ Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 công ty đạt 701 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế.
- Cả năm 2018:
 - ✓ Doanh thu thuần là 5.306 tỷ đồng (trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan là 31 tỷ đồng, chiếm 1% doanh thu thuần).
 - ✓ Doanh thu hoạt động tài chính là 809 tỷ đồng, trong đó bao gồm thu nhập cổ tức từ các công ty con như trình bày ở trên (795 tỷ đồng) và thu nhập lãi tiền gửi, thu nhập khác
 - ✓ Chi phí bán hàng là 297 tỷ đồng;
 - ✓ Chi phí tài chính là 223 tỷ đồng chủ yếu là chi phí lãi vay từ các công ty con 192 tỷ (Anco là 17 tỷ đồng, Proconco là 175 tỷ đồng), chiếm 86,1% chi phí lãi vay và các chi phí khác.
 - ✓ Lợi nhuận trước thuế là 580 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế là 580 tỷ đồng. Thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 0, do lợi nhuận sau thuế năm 2017 bị âm, số lỗ được khấu trừ vào các năm sau.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng / giảm	6 tháng 2019
Tổng giá trị tài sản	14.621.144	12.781.802	-12.6%	13.909.874
Vốn chủ sở hữu	8.542.843	7.181.012	-15.9%	7.414.857
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.499.493	24.672	-98,4%	147.174
Doanh thu thuần	18.690.485	13.976.854	-25.2%	6.741.040
Lợi nhuận từ HĐKD	954.450	326.237	-65.8%	319.331
Lợi nhuận khác	1.732	9.657	457.6%	110
Lợi nhuận trước thuế	956.181	335.893	-64.9%	319.441
Lợi nhuận sau thuế, trong đó:	796.956	232.158	-70.9%	233.846
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	629.044	95.570	-84.8%	122.501
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	167.912	136.588	-18.7%	111.344
Giá trị sổ sách một cổ phiếu (Đồng/CP)	30.924	24.103	-22.1%	24.670
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (thực trả) cho cổ đông công ty mẹ:				
- Số tiền trả cổ tức	1.499.474	70.917	-95,3%	-
- Lợi nhuận hợp nhất chia cho cổ đông của công ty	629.044	95.570	-84,8%	-
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	238,4%	74,20%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 2018, BCTC hợp nhất soát xét 06 tháng đầu năm 2019

Năm 2017:

- Doanh thu thuần hợp nhất là 18.690 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu thuần công ty mẹ bằng 0; 100% doanh thu thuần đến từ các công ty con. Cơ cấu doanh thu thuần như sau: Măng thực ăn gia súc, gia cầm, thủy sản chiếm 100%.
- Doanh thu tài chính là 191 tỷ đồng, trong đó: lãi tiền gửi ngân hàng là 65 tỷ đồng; lãi cho một bên liên quan vay (Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan) là 69 tỷ đồng và các khoản: lãi cho vay khác 38 tỷ đồng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện 11 tỷ đồng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 2 tỷ đồng, thu nhập khác 5 tỷ đồng.
- Chi phí tài chính là 508 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay từ trái chủ là 306 tỷ đồng¹; lãi vay từ ngân hàng là 117 tỷ đồng; chi phí phát hành trái phiếu là 69 tỷ đồng; còn lại là lỗ chênh lệch tỷ

¹ Liên quan đến các trái phiếu sau:

- Trái phiếu của Anco với số tiền là 1.300 tỷ VND, phát hành tháng 09/2016, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 7,0% trong năm đầu tiên và biên độ 1,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo;
- Trái phiếu của Anco với số tiền là 700 tỷ VND, phát hành tháng 09/2016, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo;

giá hối đoái đã thực hiện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và chi phí khác.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế là 956 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế là 797 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty là 629 tỷ đồng.

Năm 2018:

- Doanh thu thuần về bán hàng là 13.976 tỷ đồng, giảm 25,22% so với năm 2017. Trong đó, doanh thu thuần từ công ty mẹ (sau khi loại trừ giao dịch nội bộ) là 5.275 tỷ đồng, chiếm 38%; còn lại 8.701 tỷ đồng từ các công ty con, chiếm 62%. Cơ cấu doanh thu thuần như sau: Măng gia súc, gia cầm, thủy sản chiếm 100%.
- Doanh thu thuần năm 2018 giảm do hộ chăn nuôi heo tái đàn chậm hơn dự kiến từ đó ảnh hưởng đến sản lượng thức ăn gia súc bán ra.
- Doanh thu hoạt động tài chính là 67 tỷ đồng, trong đó: Lãi tiền gửi ngân hàng là 51,5 tỷ đồng, Lãi cho một bên liên quan vay (Công ty Công ty Cổ phần tập đoàn Masan) là 9,6 tỷ đồng; Lãi các hoạt động đầu tư cho vay khác là 3 tỷ đồng; còn lại là Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện; lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và thu nhập khác.
- Chi phí tài chính là 310 tỷ đồng, trong đó có chi phí lãi vay từ trái chủ là 176 tỷ đồng (trái phiếu của Anco phát hành tháng 09/2016); lãi vay từ ngân hàng là 59 tỷ đồng; chi phí phát hành trái phiếu là 20 tỷ đồng; còn lại là lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và chi phí khác.
- Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN hợp nhất là 232 tỷ VND, giảm 70,9% so với năm 2017 do doanh thu giảm trong khi giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần cao (năm 2018 là 85% và năm 2017 là 78,65%) do giá nguyên liệu (bắp, đậu nành, gạo...) trong năm 2018 tăng cao.

7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Tiền thân là Công ty Masan Nutri-Science, công ty con thuộc Tập đoàn Masan, Masan MEATLife chính thức đổi tên mới vào tháng 07 năm 2019 nhằm thể hiện rõ mục tiêu chuyển đổi từ một công ty chuyên về thức ăn chăn nuôi thành công ty theo mô hình hàng tiêu dùng cung cấp sản phẩm thịt có thương hiệu.

Chuỗi giá trị thịt của Masan MEATLife được hoàn chỉnh theo mô hình 3F (từ nông trại đến bàn ăn) với 10 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi với tổng công suất 3 triệu tấn/năm, trang trại chăn nuôi heo kỹ thuật cao tại Nghệ An với sản lượng 230.000 con heo thịt mỗi năm và một tổ hợp chế biến thịt tại Hà Nam có công suất 1,4 triệu con heo mỗi năm, tương đương 140.000 tấn theo tiêu chuẩn Châu Âu.

Tháng 12 năm 2018, Masan MEATLife đã cho ra mắt thương hiệu thịt heo mát "MEATDeli" tại Hà Nội và nhận được nhiều đánh giá tích cực từ khách hàng với hơn 98% khách hàng được khảo sát đánh giá sản phẩm "MEATDeli" tốt hơn các sản phẩm thịt heo khác được cung cấp tại chợ truyền thống và 92% khách hàng được khảo sát quyết định sẽ chuyển qua sử dụng sản phẩm thương hiệu "MEATDeli".

Hiện tại các sản phẩm "MEATDeli" đang được cung cấp tại tất cả siêu thị Vinmart tại Hà Nội theo mô hình "cửa hàng bên trong cửa hàng" bên cạnh các cửa hàng độc lập MEATDeli và đại lý thông thường.

-
- *Trái phiếu của MML với số tiền là 3.700 tỷ VND, phát hành tháng 04/2015, có thời gian đáo hạn là 5 năm và chịu lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,5% cộng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong các năm tiếp theo. Khoản trái phiếu này đã được MML mua lại trước hạn vào 22/05/2017.*

Dự kiến giai đoạn cuối năm 2019, sản phẩm MEATDeli sẽ có mặt tại tất cả các hệ thống siêu thị, đồng thời MML cũng sẽ đẩy mạnh đầu tư nâng số lượng cửa hàng lên trên 90 cửa hàng và 500 đại lý qua đó thúc đẩy giới thiệu sản phẩm MEATDeli ra toàn quốc.

Đội ngũ lãnh đạo MML là tập thể các thành viên với nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý bên cạnh các chuyên gia hàng đầu trong ngành luôn không ngừng học hỏi và đúc kết kinh nghiệm từ việc triển khai thực tế, qua đó giúp cho chiến lược của Công ty không ngừng được hoàn thiện mà nhờ đó củng cố và nâng dần vị thế của Công ty trong ngành.

7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam là một trong các quốc gia tiêu thụ thịt heo nhiều nhất thế giới. Trong năm 2017, ước tính mỗi người dân Việt Nam tiêu thụ đến 29 kg thịt heo, con số này xếp trên nhiều quốc gia đã phát triển như Hàn Quốc (28,7 kg), Mỹ (23,6 kg), Úc (20,7kg) và chỉ xếp sau nước láng giềng Trung Quốc (30,8 kg). Tuy nhiên, có sự phân hóa giữa số lượng thịt heo tiêu thụ giữa khu vực thành thị và nông thôn. Trung bình ước tính mỗi người dân thành thị hiện đang tiêu thụ 38 kg thịt heo trong khi đó con số này tại khu vực nông thôn là 26 kg thịt heo mỗi năm. Với việc tỷ lệ đô thị hóa Việt Nam (35%) đang tiến dần về mức trung bình khu vực châu Á (48%), lượng thịt heo tiêu thụ tiếp tục dự kiến tăng mạnh trong các năm tới. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm lượng thịt heo tiêu thụ cho giai đoạn 2019 – 2025 ước tính đạt 20%.

Trong 3 năm qua, thị trường thịt heo đã nhiều lần trải qua nhiều biến cố. Đầu tiên là khủng hoảng giá heo giai đoạn 2016-2017 khi nhu cầu thịt heo của Trung Quốc giảm mạnh đã khiến giá thịt heo trong nước có thời điểm giảm còn 22.000 đồng/kg, ảnh hưởng đến cả thị trường thức ăn chăn nuôi. Qua năm 2018 khi nguồn cung sụt giảm do các hộ chăn nuôi giảm số lượng lợn nái hoặc treo chuồng, giá thịt heo hồi phục nhẹ trở lại thì gặp dịch tả heo Châu Phi. Đến thời điểm tháng 5 năm 2019, có 55 tỉnh thành có dịch khiến đàn heo cả nước giảm 5,5% so với cùng kỳ 2018, dẫn đến tình trạng Việt Nam phải nhập khẩu thịt heo trong nửa đầu năm 2019 (giá trị gần 23,6 triệu USD).

Mặc dù nhiều biến cố, thị trường thịt heo vẫn được xem là mảnh đất màu mỡ cho các doanh nghiệp Việt Nam cũng như quốc tế. Theo thống kê, tổng lượng tiêu thụ của Việt Nam lên đến 10,2 tỷ đô la Mỹ mỗi năm mà trong đó trên 99% là các sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ và không rõ ràng về an toàn thực phẩm. Trong đó, hơn 95% thịt heo được cung cấp tại các chợ truyền thống, nơi mà điều kiện bảo quản không đạt tiêu chuẩn. Với việc chất lượng thịt heo không đảm bảo trong khi thu nhập bình quân ngày càng tăng, khách hàng đang dần chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, không chất bảo quản với hơn 88% khách hàng được khảo sát cho thấy họ sẵn sàng trả mức giá cao để có được sản phẩm thịt đảm bảo an toàn thực phẩm. Ngoài ra, xu hướng hiện đại hóa cũng đang dần thay đổi lối sống người tiêu dùng, khách hàng chú trọng sự tiện lợi, quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm thịt đã qua chế biến và sẵn sàng sử dụng. Ước tính phần trăm số lượng khách hàng sử dụng thịt mát trên tổng lượng thịt tiêu thụ sẽ tăng từ 1% năm 2018 lên đến 7% vào năm 2022.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tính tới ngày 30/06/2019, tổng số lao động trong Công ty và các công ty con của Công ty hiện có là 3.272 người lao động. Số lao động của Công ty được phân loại như sau:

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ học vấn	3.272	100,00%
Thạc sỹ	33	1,01%
Đại học	1.411	43,12%
Cao đẳng	331	10,12%
Trung cấp	346	10,57%
Khác	1.151	35,18%
Theo loại hợp đồng lao động	3.272	100,00%

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Hợp đồng không xác định thời hạn	2.080	63,57%
Hợp đồng có xác định thời hạn	1.017	31,08%
Thời vụ, thử việc	175	5,35%

Nguồn: Công ty

8.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp/phúc lợi

8.2.1 Chế độ làm việc

Đối với bộ phận hành chính văn phòng: làm việc từ 8h sáng đến 5h chiều, làm việc 8.5h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 30 phút, nghỉ thứ bảy và ngày chủ nhật.

Đối với bộ phận thương mại: làm việc từ 8h sáng đến 5h chiều, làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 60 phút, nghỉ ngày chủ nhật.

Đối với nhân viên làm việc tại Trại: làm việc từ 7h sáng đến 5h chiều, làm việc 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 120 phút, nghỉ ngày chủ nhật hoặc 1 ngày khác trong tuần (đảm bảo 1 ngày nghỉ/tuần).

Đối với bộ phận sản xuất: làm 3 ca/ngày, mỗi ca từ 8 tiếng, làm việc 6 ngày/tuần, nghỉ ngày chủ nhật.

Thời gian làm ngoài giờ sẽ được tính theo quy định của Luật lao động và các quy định liên quan.

Người lao động được trang bị đầy đủ những phương tiện làm việc, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn được tuân thủ nghiêm ngặt.

8.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty luôn chủ trương thu hút người lao động có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển, có tư cách đạo đức tốt và có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Nhằm đảm bảo tiêu chí ổn định nguồn lực trong dài hạn, nâng cao tính chuyên nghiệp, Công ty luôn chú trọng đào tạo cho nhân viên từ kiến thức đến kỹ năng mềm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công việc.

8.2.3 Chính sách lương thưởng

- **Lương:** Công ty thực hiện trả lương cho nhân viên dựa vào năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty, trả một lần hàng tháng từ ngày 26 của tháng này đến ngày 25 của tháng sau. Việc tăng lương hàng năm dựa vào đánh giá cuối năm, quy định và tình hình kinh doanh của Công ty. Mức lương bình quân nhân viên năm 2018 là khoảng 18 triệu đồng / tháng.
- **Lương tháng 13:** Theo quy định Công ty.
- **Thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp và chất lượng công việc, Công ty tổ chức bình chọn và khen thưởng định kỳ các cá nhân và nhóm làm việc xuất sắc có nhiều đóng góp tích cực cho kết quả chung của Công ty.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty luôn quan tâm và cải thiện đời sống của người lao động, đảm bảo các chế độ phúc lợi (tổ chức tham quan, nghỉ mát định kỳ, thưởng lễ, tết, v.v...) theo đúng quy định của pháp luật.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

- Ngày 26/2/2018, Công ty thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc trả cổ tức 2017 (100,30%) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2017 theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 và tạm ứng cổ tức 2018 (4,74%) bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế đạt được và nguồn tiền mặt Công ty có tại thời điểm chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền cổ tức dự kiến được chia là 2.271.157 triệu đồng. Ngày 26/03/2018, công ty mẹ thông báo về việc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (công ty mẹ) tự nguyện không nhận khoản cổ tức là 700.766 triệu đồng. Theo đó, mức cổ tức thực tế được chia như sau:
 - ✓ Cổ đông là công ty mẹ: 6.202 đồng/cổ phần năm 2017 và 293 đồng/cổ phần năm 2018
 - ✓ Cổ đông khác: 10.030 đồng/cổ phần năm 2017 và 474 đồng/cổ phần năm 2018
 - ✓ Bình quân: 6.935 đồng/cổ phần năm 2017 và 328 đồng/cổ phần năm 2018.
- Hiện Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức của năm tiếp theo để tập trung phát triển các dự án mới mang lại lợi nhuận trong dài hạn cho cổ đông.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

a. Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 20
Máy móc và thiết bị	2 – 15
Phương tiện vận chuyển	5 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 15

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán 2018, BCTC công mẹ và hợp nhất soát xét 06 tháng 2019

b. Tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất: các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 35 – 49 năm;
- Phần mềm máy vi tính: Các phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5-7 năm;
- Thương hiệu: Giá trị hợp lý của thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng là 20 năm;
- Mối quan hệ khách hàng: Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm;
- Kỹ thuật: Giá trị hợp lý của kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

10.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.

10.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 30/06/2019 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
- Thuế giá trị gia tăng	-	52	60	357	306	223
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-	623	697
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-	-	34.525	45.949	70.700
- Thuế thu nhập cá nhân	-	8.790	6.529	13.821	14.649	11.514
- Thuế khác	1.828	-	-	2.432	280	285
Tổng cộng	1.828	8.842	6.589	51.135	61.808	83.419

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

Năm 2017, Công ty mẹ MML không có phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp do lợi nhuận trước thuế năm 2017 là số âm.

Năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, Công ty mẹ MML không có phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp do thu nhập cổ tức được miễn thuế và chuyển lỗ từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận như sau:

	2017 (VND)	2018 (VND)	6/2019 (VND)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận	226.676.422.867	37.485.730.152	12.102.603.816

10.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ theo yêu cầu của pháp luật đã được duy trì phù hợp với Điều lệ và pháp luật áp dụng. Dưới đây là số dư các quỹ tại thời điểm 30/06/2019:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	5.731	5.731	5.731
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	5.731	5.731	5.731

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

10.1.5 Tình hình vay nợ:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Ngắn hạn	-	2.419.754	-	1.528.596	455.200	1.221.213
Vay ngắn hạn	-	2.419.754	-	1.528.596	455.200	1.221.213
Dài hạn	2.419.754	692.090	3.111.844	2.115.032	2.658.594	3.024.208
Vay dài hạn	2.419.754	692.090	3.111.844	139.057	679.108	1.034.516
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	-	1.975.975	1.979.486	1.989.692
Tổng cộng	2.419.754	3.111.844	3.111.844	3.643.628	3.113.794	4.245.421

BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn:

Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1. Ngắn hạn	-	2.419.754	-	1.528.596	455.200	1.221.213
Vay ngắn hạn	-	2.419.754	-	1.528.596	455.200	1.221.213
Chi tiết:						
ANCO	-	-	-	646.606	160.446	169.591
- Vietinbank	-	-	-	585.133	-	154.180
- Vietinbank	-	-	-	61.473	-	15.411
- Vietcombank	-	-	-	-	160.446	-
MNS FEED	-	-	-	-	-	154.375
- Vietinbank	-	-	-	-	-	34.901
- Vietinbank	-	-	-	-	-	50.525
- Vietinbank	-	-	-	-	-	32.640
- Vietinbank	-	-	-	-	-	36.310
PROCONCO	-	-	-	848.424	294.753	711.635
- Vietinbank	-	-	-	700.237	68.000	324.559
- Vietinbank	-	-	-	24.867	39.912	-
- BNP Paribas	-	-	-	123.320	35.339	182.267
- Vietcombank	-	-	-	-	151.502	72.000
- Shinhan Bank	-	-	-	-	-	14.797
- ANZ	-	-	-	-	-	118.012
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	2.419.754	-	33.566	-	185.613
MML	-	2.419.754	-	-	-	-
- Proconco Biên Hòa	-	2.419.754	-	-	-	-
ANCO	-	-	-	-	-	185.613

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
- Vietinbank	-	-	-	-	-	185.613
PROCONCO	-	-	-	33.566	-	-
- Vietcombank	-	-	-	33.566	-	-
2. Dài hạn	2.419.754	692.090	3.111.844	2.115.032	2.658.594	3.024.208
2.1. Vay dài hạn	2.419.754	692.090	3.111.844	139.057	679.108	1.034.516
Chi tiết:						
MML	2.419.754	629.090	3.111.844	-	-	-
- Proconco Biên Hòa	2.419.754	629.090	3.111.844	-	-	-
ANCO	-	-	-	-	536.148	995.555
- VPBank	-	-	-	-	204.617	427.555
- Vietinbank	-	-	-	-	331.530	568.000
MNS FEED	-	-	-	-	142.961	38.961
- Vietcombank	-	-	-	-	142.961	38.961
PROCONCO	-	-	-	139.057	-	-
- Vietcombank	-	-	-	139.057	-	-
2.2. Trái phiếu phát hành dài hạn	-	-	-	1.975.975	1.979.486	1.989.692
Chi tiết:						
- Trái phiếu thường 1.300 tỷ đồng	-	-	-	1.300.000	1.300.000	1.300.000
- Trái phiếu thường 700 tỷ đồng	-	-	-	700.000	700.000	700.000
- Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	-	-	-	(20.025)	(20.514)	(10.308)
Tổng cộng	2.419.754	3.111.844	3.111.844	3.643.628	3.113.794	4.245.421

10.1.6. Tình hình công nợ hiện nay**a. Các khoản phải thu**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Phải thu ngắn hạn	44.976	339.866	674.850	721.641	672.572	840.040
Phải thu của khách hàng	-	80.060	73.038	671.229	378.054	364.856
Trả trước cho người bán	44.962	93.728	215.347	149.098	377.592	561.441
Phải thu ngắn hạn khác	14	166.077	392.194	11.098	23.061	25.925
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	(5.730)	(109.784)	(106.135)	(112.182)
Phải thu dài hạn	3	3	3	1.106.972	3.096	11.511
Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	1.033.400	-	-
Phải thu dài hạn khác	3	3	3	73.572	3.096	11.511
Tổng cộng	44.979	339.869	674.853	1.828.613	675.667	851.550

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

b. Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Nợ ngắn hạn	7.914	3.899.729	1.607.040	3.331.284	2.368.879	2.923.548
Phải trả người bán	-	1.002.968	1.403.718	855.207	1.160.700	1.077.032
Người mua trả tiền trước	-	4.046	6.631	34.349	38.616	36.978
Thuế phải nộp Nhà nước	1.828	8.843	6.589	51.135	61.808	83.419
Phải trả người lao động	-	5	5	-	14	7
Chi phí phải trả	6.026	246.819	179.583	844.214	613.741	480.750
Phải trả ngắn hạn khác	59	217.294	10.514	12.052	33.069	18.418
Vay ngắn hạn	-	2.419.754	-	1.528.596	455.200	1.221.213
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	5.731	5.731	5.731
Nợ dài hạn	2.459.830	721.915	3.439.332	2.747.018	3.231.911	3.571.469
Phải trả dài hạn khác	40.075	18.241	315.904	-	-	1.185
Vay và trái phiếu dài hạn	2.419.754	692.090	3.111.844	2.115.032	2.658.594	3.024.208

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	595.888	541.403	514.161
Dự phòng phải trả dài hạn	-	11.584	11.584	36.098	31.914	31.915
Tổng cộng	2.467.763	4.621.644	5.046.372	6.078.302	5.600.790	6.495.017

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

10.1.7 Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	1.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-	1.400
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	6.270.004	6.270.005	6.570.005	2.178.565	2.174.041	2.173.721
Đầu tư vào công ty con	6.094.451	6.094.451	6.394.451	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	2.161.837	2.160.837	2.159.867
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	175.553	175.554	175.554	21.646	21.646	21.646
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	(4.918)	(8.442)	(7.793)
Tổng cộng	6.720.004	6.270.005	6.570.005	2.178.565	2.174.041	2.175.121

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		2017	2018	2017	2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	24,4	0,35	1,38	1,48
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	24,4	0,32	0,83	0,90
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38,18	60,59	41,57	43,82
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	61,75	153,72	90,91	107,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	-	80,28	5,59	7,33
Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	Lần	-	0,75	1,14	1,02
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	-	16,58	13,41	1,61
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	-	8,24	5,15	1,69
Lợi nhuận thuần HĐKD / Doanh thu thuần	%	/	10,94	5,11	2,33
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	/	10,94	4,26	1,66
Thu nhập trên cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	-	2.684	2.977	442

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán 2017, 2018

11. Tài sản

11.1 Tài sản cố định

Số dư tài sản cố định tại 30/06/2019:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	278	202	73%	3.495.929	2.450.605	70%
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	1.993.082	1.591.788	80%
Máy móc, thiết bị				1.394.344	802.344	58%

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Phương tiện vận tải	-	-	-	70.863	30.358	43%
Thiết bị quản lý	278	202	73%	37.640	26.115	69%
Tài sản cố định vô hình	690	437	63%	4.861.923	3.418.978	70%
Quyền sử dụng đất	-	-	-	207.412	182.162	88%
Phần mềm máy vi tính	690	437	63%	60.411	42.675	71%
Thương hiệu	-	-	-	1.615.000	1.254.600	78%
Mối quan hệ khách hàng	-	-	-	2.413.100	1.866.491	77%
Kỹ thuật	-	-	-	566.000	73.050	13%
Tổng cộng	968	639	66%	8.357.852	5.869.583	70%

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất soát xét 06/2019

Số dư tài sản cố định tại 31/12/2018:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	197	152	77%	3.415.674	2.536.851	74%
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-	1.926.919	1.593.180	83%
Máy móc, thiết bị	-	-	-	1.387.337	886.149	64%
Phương tiện vận tải	-	-	-	70.784	36.729	52%
Thiết bị quản lý	197	152	77%	30.633	20.793	68%
Tài sản cố định vô hình	690	506	73%	4.860.266	3.582.027	74%
Quyền sử dụng đất	-	-	-	207.412	185.190	89%
Phần mềm máy vi tính	690	506	73%	58.754	45.393	77%
Thương hiệu	-	-	-	-	1.294.975	80%
Mối quan hệ khách hàng	-	-	-	2.413.100	1.926.819	80%
Kỹ thuật	-	-	-	566.000	129.650	23%
Tổng cộng	877	658	74%	8.275.939	6.118.877	74%

Nguồn: BCTC công ty mẹ và hợp nhất kiểm toán 31/12/2018

11.2 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
Tài sản dở dang dài hạn	-	1.982	-	600.474	466.397	1.234.214
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong đó các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:	-	1.982	-	600.474	466.397	1.234.214
- Nhà cửa (dự án mở rộng)	-	-	-	511.854	348.875	763.949
- Máy móc và thiết bị (gồm thiết bị văn phòng)	-	-	-	82.348	95.085	297.475
- Phần mềm vi tính	-	1.982	-	443	1.982	1.541
- Khác	-	-	-	5.828	20.456	171.249

Nguồn: BCTC kiểm toán 2018 (riêng và hợp nhất), BCTC soát xét 06 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

11.3 Danh sách quyền sử dụng đất của Công ty

Danh sách quyền sử dụng đất tại thời điểm 30/06/2019 của Công ty:

Địa chỉ	Diện tích	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sở hữu
Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	189 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác
Tầng 12, Tòa nhà DETECH Tower II, số 107 Nguyễn Phong Sắc, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	440 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác
ĐT 769, Ấp Bàu Ao, Xã Bàu Hàm 2, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai	1.100 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác
Kho số 8, 78 Đường Vành Đai, Thôn 1, Xã Cư Êbur, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	1.400 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác
Xã Phú Ninh, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Phú Thọ	1.548 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác
Lô số 09, KCN Điện Nam, Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	2.400 m2	Đang sử dụng	Thuê tổ chức khác

12. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

12.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức hợp nhất năm 2019-2020

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019			2020	
	Kế hoạch được thông qua vào 4/2019 (*)	Kế hoạch được điều chỉnh (**)	% tăng giảm kế hoạch được điều chỉnh so với thực hiện năm 2018	Kế hoạch (***)	% tăng giảm so với kế hoạch 2019 được điều chỉnh
Doanh thu thuần (DTT)	16.680 – 19.800	13.540	-3,1%	24.982	84,5%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	0 – 200	270	16,4%	1.881(****)	596,67%
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	NA	43	-55,0%	1.726	3.913,9%
Vốn điều lệ	2.162	3.243	50%	3.243	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	0% – 9,25%	8,3%	-	58%	-
Tỷ lệ LNST/DTT	0% – 1,01%	2,0%	-	7,5%	-
Cổ tức / vốn điều lệ dự kiến	-	-	-	-	-

(*) Kế hoạch kinh doanh năm 2019 ban đầu được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào tháng 4/2019.

(**) Theo số liệu được điều chỉnh vào đầu Quý 4/2019 bởi ban lãnh đạo Công ty căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, điều kiện thị trường chung, dự kiến báo cáo hợp nhất của MML Quý IV-2019 bao gồm khoản lỗ đến từ Meat Hà Nam do việc ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí sau khi hết thời gian chạy thử kể từ tháng 10 trở đi. Khoản lỗ đến từ Meat Hà Nam ước tính là 280 tỷ đồng cho năm 2019.

(***) Theo số liệu ước tính bởi ban lãnh đạo Công ty

(****) Đóng góp ước tính của các mảng hoạt động chính vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi trừ Giá vốn hàng bán và Chi phí quản lý và bán hàng là: mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản đóng góp 46,4% và mảng thịt mát, chế biến đóng góp 53,6%. Lợi nhuận 2020 ước tính tăng mạnh so với 2019 do (i) doanh thu mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản ước tính tăng 15% về sản lượng bán ra và (ii) công suất nhà máy chế biến thịt mát hiện tại tăng từ 5% lên 46% năm 2020 và (iii) thay đổi về cơ cấu thịt mát và thịt chế biến với tỷ suất lợi nhuận gộp cao hơn.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 2019-2020 nêu trên được xây dựng dựa trên mô hình hoạt động hiện tại của MML, được dự báo dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm quá khứ, tình hình thị trường hiện tại và dự báo tăng trưởng về sản lượng, giá cả và cơ cấu ngành hàng trong các năm tới.

Một số giả định chính cho năm 2020:

- Cơ cấu doanh thu: 59% từ mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và 41% từ mảng thịt mát và thịt chế biến.

Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ
Thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	14.753	59,05%
Thịt mát, thịt chế biến	10.229	40,95%
Tổng cộng	24.982	100,00%

- Cơ sở chính để được doanh số nêu trên:

- ✓ Mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: Sản lượng thức ăn gia súc tăng trưởng 15%; sản lượng thức ăn gia cầm, thủy sản tăng trưởng từ 2 đến 5%.
- ✓ Mảng thịt mát, thịt chế biến:
 - Số lượng cửa hàng: 699-944 cửa hàng tại miền Bắc; 535-710 cửa hàng tại miền Nam (so với số lượng 423 cửa hàng tại tháng 11/2019; ước tính đạt ít nhất 550 cửa hàng cả năm 2019)

- Sản lượng bán: bình quân 78kg/ngày/cửa hàng MT hoặc đại lý và 366kg/ngày/cửa hàng MEATDeli
- Công suất nhà máy miền Bắc (Nhà máy Hà Nam): 46% (so với công suất 5% năm 2019)
- Ngoài ra, công suất nhà máy miền Nam: 27%. Hiện tại nhà máy miền Nam tại đang Long An trong quá trình xây dựng và dự kiến đưa vào hoạt động từ giữa 2020. Nhà máy Long An có quy mô công suất tương đương với Nhà máy Hà Nam, công suất thiết kế 1.400.000 triệu con heo / năm. Nhờ vào hệ thống khách hàng / cửa hàng có sẵn tại miền Nam (MML đang trong quá trình mở rộng hệ thống phân phối tại miền Nam), MML ước tính nhà máy Long An đem về lợi nhuận khoảng 200 tỷ cho năm 2020.
- Cơ cấu thịt mát và thịt mát chế biến: 63,1% và 36,9%
- Giả định tỷ suất lợi nhuận gộp:
 - ✓ Mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: 14,7%
 - ✓ Mảng thịt mát, thịt chế biến: 33,8%
- Giả định chi phí bán hàng và quản lý:
 - ✓ Mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: 5,5%
 - ✓ Mảng thịt mát, thịt chế biến: 18,5%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần:
 - ✓ Mảng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản: 5,0%
 - ✓ Mảng thịt mát, thịt chế biến: 11,2%

Theo BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của công ty, doanh thu hợp nhất của công ty đạt 6.741 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 233 tỷ đồng, đạt xấp xỉ 50% và 86,3% so với kế hoạch doanh thu, lợi nhuận được điều chỉnh.

Tính đến 30/09/2019, Công ty đạt 10.104 tỷ đồng doanh thu thuần, tương ứng 75% doanh thu kế hoạch được điều chỉnh và 324 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tương ứng 120% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch được điều chỉnh.

Tháng 8/2019, công ty đã hoàn thành phát hành tăng vốn điều lệ lên 3.243 tỷ đồng bằng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

14. Chiến lược, định hướng phát triển kinh doanh

14.1 Định hướng

Là và được công nhận là doanh nghiệp dẫn đầu trong việc cung cấp những giải pháp đậm động vật có thương hiệu trên toàn chuỗi giá trị mỗi ngày cho mọi người, mọi gia đình Việt Nam.

14.2 Mục tiêu

- Thương hiệu thịt tiêu dùng đóng gói số 1 trên thị trường Việt Nam, với 10% thị phần vào năm 2022.
- Doanh thu năm 2022 đạt mức tối thiểu 1,5 tỷ USD, với hơn 50% doanh thu đến từ ngành thịt. Lợi nhuận sau thuế đạt mức tối thiểu 200 triệu USD.
- Xây dựng chuỗi phân phối bán lẻ với hơn 4.000 điểm bán trên toàn quốc vào năm 2022.
- Xây dựng hệ thống cung ứng đáp ứng mục tiêu kinh doanh
- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có tính kế thừa, có tinh thần làm chủ trong công việc

14.3 Chiến lược phát triển

- **Sản phẩm:** Liên tục đưa ra sản phẩm mới, đột phá, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và tối ưu hóa giá trị thu hồi trên một đầu lợn. Sản phẩm đạt tiêu chí ngon, sạch, giá cả hợp lý.
- **Thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng thương hiệu để MEATDeli và các nhãn hiệu khác của MML trở thành thương hiệu dẫn đầu thị trường. Mở rộng kênh phân phối để đưa sản phẩm của Công ty đến tay mọi đối tượng khách hàng.
- **Đầu tư:** Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phù hợp với mục tiêu kinh doanh. Tìm hiểu và cân nhắc cơ hội mua bán & sáp nhập (M&A), hợp tác, liên doanh để phát triển các mảng kinh doanh phù hợp với định hướng của Công ty.
- **Tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, xây dựng hệ thống quản lý tài chính chi tiết, hiệu quả
- **Nhân sự:** Tối ưu hóa nguồn lực và cam kết luôn tạo điều kiện để nhân viên phát triển và thăng tiến trong sự nghiệp.

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY**1. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị hiện tại của Công ty bao gồm 4 thành viên. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 05 năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp khi có yêu cầu, nhưng ít nhất mỗi quý, để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.1 Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Danny Le	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
Phạm Trung Lâm	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)
Trần Phương Bắc	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)
Neal Leroux Kok	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)

1.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị**1.2.1 Ông Danny Le - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: Danny Le
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/7/1984
- Nơi sinh: Mỹ
- Số Hộ chiếu: 565709439
- Quốc tịch: Mỹ
- Dân tộc: NA
- Địa chỉ thường trú: 32 Beacon Street, Boston, MA 02136
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân, Loại giỏi, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2006 đến 2010: Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư (Analyst, Investment Banking Division) - Morgan Stanley
 - ✓ Từ 2010 đến nay: Giám đốc Chiến lược và Phát triển (Head of Strategy & Development) - Masan Group
 - ✓ Từ 7/2013 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - ✓ Từ 4/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
 - ✓ Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
 - ✓ Từ 01/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery
 - ✓ Từ 03/2016 đến 01/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - ✓ Từ 01/2018 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan MEATLife

✓ Từ 04/2018 đến nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
✓ Từ 04/2019 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan
✓ Từ 23/8/2019 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Blue
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng:	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan; - Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Blue; - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan; - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc; - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế; - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings; - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery; - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019):	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 79,32% vốn điều lệ
✓ Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan:	257.248.169 cổ phần, chiếm tỷ lệ 79,32% vốn điều lệ
✓ Cá nhân sở hữu:	0
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019):	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
✓ Nguyễn Thị Mỹ Anh (vợ)	1.500.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,46% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

1.2.2 Ông Phạm Trung Lâm - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên:	Phạm Trung Lâm
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	09/08/1973
- Nơi sinh:	Tiền Giang
- Số CCCD:	082073000216
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	236 đường số 7 khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:	
✓ Từ 1995 đến 2001:	Giám đốc kinh doanh miền Trung - Unilever Việt

- | | |
|---|---|
| ✓ Từ 2001 đến 2005: | Nam
Giám Đốc Kinh doanh kênh siêu thị - Nestle Việt Nam |
| ✓ Từ 2005 đến 2011: | Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan |
| ✓ Từ 2011 đến 2014: | Tổng Giám đốc - Vietbev |
| ✓ Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế |
| ✓ Từ 4/2015 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc |
| ✓ Từ 03/2016 đến 04/2017: | Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan MEATLife |
| ✓ Từ 04/2017 đến nay: | Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Masan MEATLife |
| ✓ Từ 05/2016 đến nay: | Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc Sản |
| ✓ Từ 3/2017 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed |
| ✓ Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang |
| ✓ Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An |
| ✓ Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long |
| ✓ Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên |
| ✓ Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang |
| ✓ Từ 2014 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định |
| ✓ Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định |
| ✓ Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên |
| ✓ Từ 2015 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ |
| ✓ Từ 2016 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An |
| ✓ Từ 2016 đến nay: | Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat |
| ✓ Từ 2017 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam |
| ✓ Từ 4/2019 đến nay: | Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: | Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc; |

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Bình Định;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Con Cò Bình Định;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Proconco Hưng Yên;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Một Thành Viên Proconco Cần Thơ;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An;
 - Chủ tịch Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 1.012.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,31% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: 0
- ✓ Cá nhân sở hữu: 1.012.720 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,31% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.2.3 Ông Trần Phương Bắc - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Trần Phương Bắc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/01/1974
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CCCD: 027074000266
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Số 73 Đường số 6, khu phố 2, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1996 đến 2000: Giảng viên - Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
 - ✓ Từ 2000 đến 2006: Luật sư - Công ty Unilever Việt Nam
 - ✓ Từ 2006 đến 2009: Luật sư - Công ty Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ 2009 đến 2013: Luật sư - Công ty Luật hợp danh Luật Việt
 - ✓ Từ 2013 đến nay: Luật sư trưởng - Tập đoàn Masan
 - ✓ Từ 12/2015 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
 - ✓ Từ 3/2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed
 - ✓ Từ 7/2016 đến nay: Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited
 - ✓ Từ 2016 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat
 - ✓ Từ 5/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Meat Processing
 - ✓ Từ 01/2018 đến nay: Chủ tịch công ty và Giám đốc - Công ty TNHH MNS Farm
 - ✓ Từ 3/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Jinju
 - ✓ Từ 4/2019 đến nay: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn
 - ✓ Từ 23/8/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Blue
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Chủ tịch công ty và Giám đốc - Công ty TNHH MNS Farm;
 - Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MNS Meat;
 - Chủ tịch công ty - Công ty TNHH Meat Processing;
 - Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Blue;
 - Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex;
 - Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan Jinju.

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: 0
- ✓ Cá nhân sở hữu: 900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00027% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.2.4 Ông Neal Leroux Kok - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Neal Leroux Kok
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/10/1986
- Nơi sinh: Harare, Zimbabwe
- Số Hộ chiếu: PE0410536
- Quốc tịch: Úc
- Dân tộc: NA
- Địa chỉ thường trú: 5 Mount Emily Road, #08-04, Singapore 228490
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Thương mại
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2/2011 đến 5/2013: Chuyên viên phân tích - Goldman Sachs Australia (Sydney)
 - ✓ Từ 6/2013 đến 8/2014: Associate - Treadstone Partners (Sydney)
 - ✓ Từ 9/2014 đến nay: Principal - KKR Singapore
 - ✓ Từ 4/2019 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,14% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu cho VN CONSUMER MEAT II PTE. LTD.: 23.161.294 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,14% vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 0
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2. Ban Kiểm soát

2.1 Danh sách Kiểm soát viên

Thông tin chi tiết về Kiểm soát viên được trình bày dưới đây:

Họ và tên	Chức vụ
Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Thu Hằng	Kiểm soát viên
Phạm Quỳnh Nga	Kiểm soát viên

2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

2.2.1 Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Đoàn Thị Mỹ Duyên**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày sinh: **09/05/1985**
- Nơi sinh: **Bình Định**
- Số CMND: **215000512**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **Thị trấn Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế, Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (ACCA), CPAVN**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2007 đến 2011: *Phó phòng kiểm toán - KPMG Việt Nam*
 - ✓ Từ 2011 đến 2012: *Trưởng phòng tài chính - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan*
 - ✓ Từ 2012 đến 2017: *Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan*
 - ✓ Từ 2017 đến nay: *Phó Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan*
 - ✓ Từ 4/2012 đến nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc*
 - ✓ Từ 4/2013 đến nay: *Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan*
 - ✓ Từ 3/2016 đến nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan MEATLife*
 - ✓ Từ 4/2016 đến nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan*
 - ✓ Từ 4/2018 đến nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: **Trưởng Ban Kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Phó Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
 - Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Dinh

dưỡng Nông nghiệp Quốc tế.

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 1.125 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00035% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 1.125, chiếm tỷ lệ 0,00035% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2.2.2 Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/08/1987
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Số CCCD: 051187000215
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 329 Lê Đại Hành, Phường 13, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2009 đến 2010: Chuyên viên phân tích - Ngân hàng OCBC, Singapore
 - ✓ Từ 2010 đến 2011: Chuyên viên phân tích - Ngân hàng DBS, Singapore
 - ✓ Từ 2012 đến 2014: Chuyên viên quản trị rủi ro - Ngân hàng Barclays Capital, Singapore
 - ✓ Từ 2014 đến nay: Quản lý cấp cao - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - ✓ Từ 4/2018 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - ✓ Từ 23/8/2019 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan Blue
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan Blue
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 675 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00021% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 675 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00021% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2.2.3 Bà Phạm Quỳnh Nga - Kiểm soát viên

- Họ và tên: Phạm Quỳnh Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 22/6/1991
- Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 024743944
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 13 C22, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kiểm toán; CPA
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2012 đến 2014: *Trợ ký Kiểm toán - KPMG Việt Nam*
 - ✓ Từ 2014 đến 2015: *Trưởng nhóm kiểm toán - KPMG Việt Nam*
 - ✓ Từ 2015 đến nay: *Chuyên viên kế toán cấp cao - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan*
 - ✓ Từ 4/2017 đến nay: *Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan MEATLife*
 - ✓ Từ 4/2018 đến nay: *Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan*
 - ✓ Từ 4/2018 đến nay: *Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế*
 - ✓ Từ 23/8/2019 đến nay: *Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan Blue*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
 - Trưởng Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Masan Blue;
 - Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00010% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 315 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00010% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1 Danh sách Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết về Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được trình bày dưới đây:

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Trung Lâm	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Minh Hằng	Giám đốc Tài chính
Trần Quang Bé	Kế toán trưởng

3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

3.2.1 Ông Phạm Trung Lâm - Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Phạm Trung Lâm
(Xem Sơ yếu lý lịch tại phần 1.2.3)

3.2.2 Bà Nguyễn Thị Minh Hằng - Giám đốc Tài chính

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/01/1972
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 040172000498
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 244/22 Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Tài chính, Đại học Kinh Tế TP.HCM
 - Thạc sỹ Kế toán Quốc tế, Đại học Swinburne, Úc
 - CPA của Úc
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2006 đến 2012: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH ScanCom International (Vietnam)
 - ✓ Từ 2012 đến 2016: Giám đốc tài chính - Công ty TNHH Triumph International (Vietnam)
 - ✓ Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - ✓ Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (PROCONCO)
 - ✓ Từ 2016 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (ANCO)
 - ✓ Từ 2016 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam
 - ✓ Từ 4/2019 đến nay: Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Giám đốc Tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế;

- Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An;
- Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam;
- Giám đốc Tài chính - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 96.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: 0
- ✓ Cá nhân sở hữu: 96.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2.3 Ông Trần Quang Bế - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Quang Bế
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/10/1969
- Nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng
- Số CMND: 024313534
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 250/2B Đường Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1995 đến 2008: Kế toán tài sản và giá thành - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - ✓ Từ 2009 đến nay: Phó phòng tài chính, kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang
 - ✓ Từ 2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An
 - ✓ Từ 4/2019 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Việt - Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc;
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed;
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang;
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An;
 - Kế toán trưởng - Công ty TNHH MNS Meat Sài Gòn.

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 08/11/2019): 28.380 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: 0
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 28.380 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ
- Số cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan (tại thời điểm 08/11/2019): Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị của Công ty

Công ty cam kết tuân thủ quy định về quản trị công ty theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy tổ chức của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản Trị.

Tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ Hội đồng Quản trị; chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty hiện đang nắm giữ một số chức vụ tại tổ chức khác. Công ty cam kết về việc cơ cấu lại Ban kiểm soát để phù hợp với quy định về quản trị công ty trong thời gian sớm nhất.

III. PHỤ LỤC

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (riêng và hợp nhất)
Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2019 (riêng và hợp nhất)

TP HCM, ngày 17 tháng 11 năm 2019

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

CHỦ TỊCH HĐQT



DANNY LE

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐOÀN THỊ MỸ DUYÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM TRUNG LÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN QUANG BÉ

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔ HẢI